

Số: 1071/BC-UBND

Triệu Sơn, ngày 29 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 và đề xuất Chiến lược 2021-2030

Thực hiện Công văn số 830/SLĐTBOXH-TEBĐG ngày 31/3/2020 của Sở lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo tổng kết Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 và đề xuất Chiến lược 2021-2030, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Triệu Sơn là huyện bán sơn địa thuộc tỉnh Thanh hóa. Diện tích tự nhiên 29.195,82 ha, toàn huyện có 59.428 hộ với 225.683 nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi là 120.575 người. Trong đó lực lượng lao động nữ chiếm khoảng 50,5% lực lượng lao động toàn huyện, tỉ lệ hộ nghèo rà soát cuối năm 2016 là: 12,26%. Cơ cấu kinh tế được đẩy mạnh chuyển dịch theo hướng Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa, vì vậy cơ cấu lao động cũng chuyển dịch theo hướng giảm lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, tăng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ; tỷ trọng nông, lâm thủy sản chiếm 20%, giảm 2,7%; công nghiệp - xây dựng chiếm 45,1%, tăng 2,2%; dịch vụ chiếm 34,9%, tăng 0,5% so với cùng kỳ. Đào tạo nghề cho 12.901 lao động đạt 103,2% kế hoạch; giải quyết việc làm cho 17.922 lao động đạt 102,4% kế hoạch, trong đó có 431 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60,1%.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện, với tinh thần trách nhiệm của thường trực Ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ, sự đóng góp tích cực của các thành viên, công tác chỉ đạo hoạt động ở các cơ sở được kiện toàn và duy trì.

Trong những năm qua hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của Phụ nữ huyện đã đi vào nề nếp, Công tác bình đẳng giới được các Cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện, hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ có bước chuyển biến rõ nét. Các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ giai đoạn 2016 - 2020 đã được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đây là điều kiện quan trọng để phụ nữ được phát huy hơn nữa năng lực và khẳng định vị thế của mình trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Công tác Bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của Phụ nữ ngày càng đi vào chiều sâu, đội ngũ cán bộ nữ, tỷ lệ đảng viên nữ ngày càng tăng.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Công tác ban hành chương trình, kế hoạch triển khai

- Huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn, các ngành đoàn thể thực hiện quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về Luật Bình đẳng giới; Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 27/04/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Thông báo kết luận số 196-TB/TW ngày 16/03/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đề án “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong thời kì mới”; Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 01/12/2009 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 27/04/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước; Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, đài Truyền thanh - Truyền hình huyện tuyên truyền lồng ghép các nội dung phổ biến các biện pháp thúc đẩy về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ góp phần thay đổi nhận thức và hành vi của toàn xã hội về giới và thực hiện bình đẳng giới, nâng cao nhận thức của phụ nữ theo hướng tiến bộ về vị trí, vai trò của họ trong xã hội, từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực còn bất bình đẳng hoặc nguy cơ bất bình đẳng cao; đồng thời, lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ và các vụ việc vi phạm về bình đẳng giới.

2. Công tác quán triệt, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Trong những năm qua công tác Bình đẳng giới luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm và từng bước đạt được những kết quả đáng khích lệ. Luật Bình đẳng giới ra đời là sự quan tâm lớn của Đảng, chính quyền đối với phụ nữ, nhận thức về bình đẳng giới được nâng lên, phụ nữ được tôn trọng và bình đẳng hơn trong xã hội và gia đình, tạo điều kiện thuận lợi nhất để chị em cùng nỗ lực, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế tại địa phương

- Ngày 31/12/2015 UBND huyện Triệu Sơn ra Quyết định số 4754/QĐ-UBND về việc kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện. Ban có 9 thành viên, Trưởng ban là đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách khối Văn hóa - Xã hội, hai phó ban gồm Phó ban trực là đồng chí Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện và Phó ban là đồng chí Chủ tịch hội Liên hiệp phụ nữ huyện Triệu Sơn. Các ban viên còn lại là lãnh đạo chủ chốt của các phòng, ban liên quan của UBND huyện và một đồng chí cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là thư ký ban. Các thành viên trong BVSTBCPN huyện làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Sử dụng con dấu của UBND huyện để giao dịch. Ngay sau khi kiện toàn, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện đã ban hành quy chế hoạt động.

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch UBND huyện về phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề liên ngành liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ trong phạm vi huyện, về công tác phụ nữ trong phạm vi huyện. Giúp Chủ tịch UBND huyện về việc phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn của UBND huyện, các đoàn thể cấp huyện trong việc tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ; đồng thời, đôn đốc các cơ quan chuyên môn của UBND huyện trong việc phối hợp thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ trên địa bàn huyện.

- Việc thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở cấp xã, các đơn vị trực thuộc đã triển khai thực hiện 36 xã, thị trấn (*năm 2019 sát nhập 2 xã vào thị trấn Triệu Sơn là: 34/34*).

4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm, chú trọng, hàng năm tổ chức:

- Tập huấn nâng cao kỹ năng lãnh đạo cho cán bộ nữ chủ chốt của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của Phụ nữ, kỹ năng lồng ghép giới trong xoá đói giảm nghèo cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp cơ sở.

- Tổ chức Hội thảo Vì sự tiến bộ của Phụ nữ trong lĩnh vực lao động, việc làm; phòng chống buôn bán Phụ nữ, trẻ em.

- Tổ chức thăm quan học tập kinh nghiệm công tác vì sự tiến bộ của Phụ nữ cho một số nữ lãnh đạo quản lý cấp xã, thị trấn, cấp huyện.

5. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới

- Chỉ đạo củng cố, kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp; toàn huyện đã kiện toàn lại 34/34 Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp xã, thị trấn.

- Xây dựng Chương trình công tác hàng năm của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp huyện;

- Thực hiện nghiêm việc lồng ghép giới trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; lồng ghép giới trong các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế xã hội của địa phương; góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Bình đẳng giới; các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đặc biệt, quan tâm chăm lo việc nâng cao trình độ, nhận thức của phụ nữ nông thôn về kiến thức pháp luật, chăm sóc sức khỏe, sản xuất kinh doanh, chăm lo dạy nghề tạo việc làm, nâng cao đời sống cho phụ nữ nông thôn.

- Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ phối hợp với các phòng ban chuyên môn, Mặt trận tổ quốc và các ban ngành tham gia giám sát các chính sách thực hiện luật bình đẳng giới và các chính sách an sinh xã hội ở từng địa phương.

- Thường xuyên theo dõi giám sát việc đăng ký và thực hiện chế độ giải quyết việc làm và chế độ bảo hiểm xã hội với người lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn để người lao động đặc biệt là lao động nữ được thực hiện đầy đủ quyền lợi.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI ĐỐI VỚI TỪNG LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Nhờ có những định hướng và kế hoạch triển khai kịp thời trong lĩnh vực chính trị, sự tham gia của phụ nữ trong các cấp ủy và HĐND đã có sự thay đổi. Cụ thể như sau:

- Số nữ giới tham gia Ban chấp hành Đảng bộ huyện là: 7/41 đồng chí đạt 17%. Tham gia Ban chấp hành Đảng bộ cơ sở là 73/500 đồng chí đạt 14,6%.

- Số cán bộ nữ là Trưởng, phó các phòng, ban, ngành cấp huyện và tương đương: 20 đồng chí. Là Trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể cấp xã là 86 đồng chí.

- Tỷ lệ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp: Cấp huyện bằng 11/42 đồng chí đạt 26,02%, tăng 0,2% so với nhiệm kỳ trước; cấp xã bằng 151/902 đồng chí đạt 16,7%, giảm% so với nhiệm kỳ trước.

- Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp là 6/91 doanh nghiệp đạt 6,59%.

Đội ngũ cán bộ từ huyện đến xã thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức chính trị và năng lực chuyên môn, trình độ quản lý. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội phụ nữ được quan tâm chú trọng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ Hội cấp cơ sở và cán bộ mới được kiện toàn. Hội Liên hiệp phụ nữ huyện phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng Chính trị mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội và những kiến thức, chủ trương, chính sách mới. Công tác cán bộ nữ đã đạt được những kết quả tốt, từng bước làm chuyển biến nhận thức về công tác cán bộ nữ trong thời kỳ Công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

2. Bình đẳng giới trong lĩnh vực Kinh tế, lao động

Hàng năm UBND huyện, các doanh nghiệp, các xã, thị trấn đã tích cực tổ chức đào tạo, giới thiệu việc làm cho người dân. Tổ chức các lớp dạy nghề và tập huấn công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; kỹ thuật chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm... cho hàng ngàn lượt cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia.

Chỉ đạo ra mắt thành lập HTX sản xuất và tiêu thụ rau an toàn xã Tiến Nông do nữ làm chủ, với 36 thành viên tham gia, nhằm hỗ trợ cho các thành viên HTX phát triển sản xuất theo qui trình VSATTP, xây dựng thương hiệu, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp tổ chức 3 lớp truyền thông về Chương trình nói không với sử dụng túi ni lông và nói không với rác thải nhựa cho trên 300 chị tham gia và cấp 300 cái làn nhựa như đơn vị Thọ Vực, Dân Lực, Minh Sơn

Chi đạo thành lập 23 mô hình trong đó 10 mô hình Chi hội phụ nữ tự quản VSATTP với trên 771 thành viên, 13 mô hình Chi hội kiểu mẫu 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới; điển hình đơn vị Dân Quyền, Đồng Tiến, An Nông, Thọ Dân,...

Tiếp tục duy trì các loại hình CLB; 60 CLB gia đình hạnh phúc với 1.845 thành viên tham gia, 123 CLB phụ nữ phát triển kinh tế với 4.627 thành viên tham gia, 16 mô hình "Chi hội phụ nữ tự quản VSATTP" với 771 thành viên tham gia, 65 chi hội kiểu mẫu 5 không, 3 sạch, 16 CLB 5 không, 3 sạch với 776 thành viên tham gia.

Khai thác có hiệu quả nguồn vốn vay đầu tư cho sản xuất, kinh doanh. Dư nợ nguồn vốn Ngân hàng chính sách xã hội là: 278 tỷ 405 triệu đồng/181 tổ/7.360 thành viên vay vốn; dư nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là: 139 tỷ 449,9 triệu đồng/72 tổ/2.239 thành viên vay vốn; Dư nợ của tổ chức tài chính vi mô Thanh Hóa là: 6 tỷ 585 triệu đồng cho 437 thành viên vay ở 10 đơn vị. Dân Lý, Đồng Tiến, Minh Châu, Dân Lực, Dân Quyền, Bình Sơn, Thọ Thế, Hợp Thắng, An Nông, Thọ Tân, Thọ Phú, Thọ Vực, Minh Sơn. Dư nợ quỹ vệ sinh quay vòng là 468,06 triệu/85 hộ tại đơn vị Thị Trấn.

Giới thiệu cho 1.755 chị tham gia các lớp đào tạo học làm mi, may, đan may...Phối hợp tổ chức 12 lớp đào tạo nghề may, làm mi,... cho 385 chị trong đó Hội LHPN huyện phối hợp Trung tâm dạy nghề Hội LHPN tỉnh Thanh Hóa tổ chức 01 lớp sơ cấp nghề; trồng cây lương thực thực phẩm cho 30 chị tại xã Tiến Nông; giới thiệu 6 chị tham gia lớp khởi nghiệp tại tỉnh.

Hội Phụ nữ cơ sở phối hợp tổ chức tập huấn về chuyên giao khoa học kỹ thuật được 26 lớp cho 5.890 chị tham gia nâng cao kỹ thuật trồng trọt, chăm sóc lúa, chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật trồng rau an toàn cho thành viên HTX sản xuất và tiêu thụ nông sản xã Dân lý cho 26 thành viên. Phối hợp tuyên truyền cho hội viên, phụ nữ và nhân dân được 229 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, A rập,...điển hình đơn vị xã Đồng Tiến, Hợp Lý,...

Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ năng và giới thiệu sản phẩm Nets cho trên 90 chị tham gia, tạo điều kiện cho 75 chị khởi nghiệp, với 4 tháng doanh số bán hàng là: 985,424.000 đồng, có 01 chị xã Hợp Lý đăng ký mở Đại lý bán sản phẩm Nets.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các mô hình như: Mô hình nuôi giun quế, làm chổi đót ở Thọ Sơn; HTX Nấm ở Vân Sơn; sản xuất rau sạch ở các xã (Dân Lý, Minh Châu, Tiến Nông, Khuyến Nông) Nấm Sò, Mộc Nhi ở đơn vị Thọ Thế, Thọ Vực, Nông Trường, trồng các loại ăn quả như: ở đơn vị Hợp Thành, Hợp Lý, Thọ Tân, Thọ Bình, Dân Quyền...đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển các mô hình như: Mô hình nuôi Thỏ Minh Dân;

Chim Bò câu pháp ở Dân quyền, Gà đồi ở Thọ Bình, Bình Sơn ... bằng biện pháp như hỗ trợ vay vốn tạo việc làm, đào tạo kỹ năng khởi sự doanh nghiệp, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm.

3. Bình đẳng giới trong lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo

Nhiều đơn vị tiếp tục quan tâm đầu tư cho trung tâm học tập cộng đồng của xã, các nhà văn hóa thôn, tủ sách pháp luật,... Thường xuyên tổ chức tổ chức các lớp học tập cộng đồng để phổ biến, hướng dẫn kiến thức làm ăn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Dân số sức khỏe môi trường, hoạt động Văn hóa thể thao nhằm nâng cao trình độ nhận thức cho nhân dân nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng.

Quan tâm tạo điều kiện cho nữ cán bộ chủ chốt cấp huyện được bồi dưỡng về Lý luận chính trị cao cấp, chương trình quản lý Nhà nước, chương trình tin học và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn; các cán bộ, công chức là nữ cấp xã được tham gia các lớp Trung cấp lý luận chính trị, Trung cấp quản lý hành chính Nhà nước và hoàn thiện các tiêu chuẩn công chức cấp xã. Đến nay có 100% nữ chủ chốt cấp huyện có trình độ Đại học và trình độ Trung cấp lý luận chính trị trở lên, 100% được bồi dưỡng tin học và sử dụng máy tính thành thạo.

Tỷ lệ nam, nữ biết chữ trên địa bàn 95,3%, trong đó tỷ lệ nữ biết chữ 94%. Đến nay huyện Triệu Sơn có 100% các xã, thị trấn đạt phổ cập Trung học cơ sở và phổ cập Mẫu giáo 5 tuổi, tỉ lệ học sinh nữ thi đỗ vào các trường trung cấp là 51%, Cao đẳng là 53 %, đại học là 48 %.

Đảm bảo 90% các đơn vị giáo dục đều có cán bộ nữ tham gia quản lý; 95% cán bộ, lãnh đạo là nữ được bồi dưỡng về chính trị, hành chính, quản lý Nhà nước.

4. Bình Đẳng giới trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe

Quyền bình đẳng cho phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe đã có sự chuyển biến tích cực và bảo đảm cho phụ nữ thực hiện tốt chức năng sinh con, nuôi dạy con và tham gia hoạt động xã hội. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được cải thiện, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và nâng cấp. Có 100% số trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi.

Bệnh viện Đa khoa cùng với Trung tâm Y tế dự phòng huyện thường xuyên tổ chức các lớp truyền thông giáo dục cho cán bộ y tế xã, thôn. Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện mở các lớp truyền thông Sức khỏe sinh sản cho phụ nữ có thai, tiêm phòng uốn ván cho trẻ em gái ở những độ tuổi theo quy định.

Đã mở chiến dịch khám sức khỏe cho phụ nữ, tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và cách chăm sóc trẻ sơ sinh. Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ có thai. Tỷ lệ nữ tiếp cận với các dịch vụ y tế đạt 98%. 100% cơ sở y tế có nữ hộ sinh trung học hoặc y sĩ sản nhi. Trung tâm dân số huyện phối hợp với trung tâm y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện mở Hội hạnh phúc tại các xã, hàng tháng tổ chức khám phụ khoa, đặt vòng, thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và phát thuốc điều trị cho chị em phụ nữ.

Tỷ lệ giới tính khi sinh: trẻ sơ sinh trai/trẻ sơ sinh gái là: 114/100 người.

Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám 98,5%.

Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám đủ 3 lần đạt 95%.

Tỷ lệ bà mẹ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự can thiệp của cán bộ y tế có chuyên môn kỹ thuật đạt 100%.

Tỷ lệ phụ nữ được chăm sóc sức khoẻ sinh sản đạt 100%.

5. Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, gia đình

Cùng với phát triển kinh tế, công tác phát triển văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao và phong trào xây dựng gia đình văn hóa được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ. Các hoạt động tuyên truyền về vai trò của người phụ nữ trong gia đình, phòng chống bạo lực trong gia đình ngày càng được quan tâm...

Để bảo đảm cho việc tiếp cận và hưởng thụ bình đẳng nhu cầu thương thức văn hoá, Đài Truyền thanh - truyền hình huyện đã có các chuyên mục tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới.

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai mô hình "Xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em" mang lại hiệu quả cao.

Duy trì hoạt động tốt các câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình, 16 đội công tác xã hội tình nguyện; câu lạc bộ phòng chống tệ nạn xã hội, thiết lập đường dây nóng, địa chỉ Email về phòng, chống bạo lực gia đình tại các địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC THI HÀNH LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Các kết quả đạt được

Sau 10 năm triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của xã hội, của các tầng lớp nhân dân, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức trong thực hiện luật bình đẳng giới; từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ, góp phần hoàn thiện hiệu quả các chỉ tiêu trong Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ giai đoạn 2011-2020.

Việc đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về bình đẳng giới đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự đồng thuận và ủng hộ của cả hệ thống chính trị và người dân thực hiện Quyết định số 2351/QĐ-TTg, ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch tuyên truyền Đại hội phụ nữ các cấp, hướng dẫn tuyên truyền công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XIII và đại biểu HĐND các cấp.

Công tác cán bộ nữ trong 10 năm qua đã được cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm. Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ đã chủ động tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện uỷ xây dựng quy hoạch, đào tạo, đề bạt cán bộ nữ.

Thường trực Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc quan tâm tạo nguồn quy hoạch nguồn cán

bộ nữ tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp các cấp, bố trí hợp lý các chức danh chủ chốt Cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, đặc biệt quan tâm đến cán bộ nữ, cán bộ trẻ có năng lực, cán bộ là người dân tộc thiểu số, ... do đó tỷ lệ cán bộ nữ ngày càng được nâng lên cả về số lượng và chất lượng.

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể cho các ngành và thành viên Ban chỉ đạo, phối hợp với các phòng, ban, ngành trên địa bàn huyện thực hiện việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của các cơ quan, đơn vị; Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân; hướng dẫn, tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong ngành, lĩnh vực phụ trách. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ vào việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Những hạn chế, vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, song đến nay việc triển khai còn một số khó khăn như:

- Việc lồng ghép tuyên truyền mục tiêu bình đẳng giới với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, xã hội của huyện chưa rõ nét.

- Công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện công tác bình đẳng giới ở một số đơn vị chưa được Cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể quan tâm đúng mức.

- Công tác quán triệt, tuyên truyền thực hiện chính của Đảng, Nhà nước về hoạt động Bình đẳng giới chưa thường xuyên, quá trình tổ chức thực hiện thiếu kiểm tra giám sát, sơ, tổng kết chương trình hành động dẫn đến hiệu quả đạt được chưa cao, chưa có giải pháp cụ thể trong từng mục tiêu.

- Hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở một số đơn vị vẫn còn mang tính hình thức; nội dung chưa phong phú.

- Một số thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp thực hiện, chưa thực sự phát huy trách nhiệm được giao.

3. Tính đồng bộ của Luật Bình đẳng giới với Hiến pháp năm 2013

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2013 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2014 quy định:

- Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.

- Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.

- Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

Bình đẳng giới trong Hiến pháp 2013 đã quy định sự Bình đẳng nam, nữ một cách toàn diện hơn, tổng quát hơn và tiến bộ hơn. Quy định nam nữ bình

đẳng về mọi mặt trong tất cả các lĩnh vực. Đây không chỉ bình đẳng về quyền lợi mà còn bình đẳng về trách nhiệm, nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp nâng cao hiệu quả của thi hành Luật Bình đẳng giới

Cần có chính sách về bộ máy, tổ chức biên chế về Bình đẳng giới đến cơ sở; quan tâm và tăng cường hỗ trợ kinh phí cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, làm rõ tác hại, nguyên nhân và nguy cơ của bạo lực.

Xây dựng kế hoạch tập huấn kỹ năng cho chị em để giúp phòng tránh bạo lực.

Tăng cường các hoạt động và vai trò của các câu lạc bộ có liên quan trực tiếp đến công tác bình đẳng giới do Hội liên hiệp phụ nữ chủ trì như: Câu lạc bộ không sinh con thứ 3, Câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình, Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, Câu lạc bộ phụ nữ tự tin, Câu lạc bộ phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế, ...

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo điều hành của chính quyền, phối hợp của các đoàn thể đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” để mỗi gia đình, mỗi cơ quan, đơn vị xây dựng phong trào phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới góp phần tạo điều kiện xây dựng gia đình văn hóa, xã hội văn minh. Tại gia đình, tổ nhân dân tự quản, cơ quan, đơn vị quan tâm giáo dục mọi thành viên luôn gương mẫu, chấp hành tốt các quy định trong gia đình, quy ước thôn, bản, nội quy, quy chế cơ quan, đơn vị, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm, không dung túng, bao che cho kẻ gây ra bạo lực.

Phối hợp tốt với các ban, ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ bằng nhiều hình thức như: Thông qua các hội nghị chuyên đề về bình đẳng giới hoặc lồng ghép triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương;

2. Các giải pháp mới được triển khai

- Nhằm tăng tỷ lệ nữ tham gia vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; hàng năm Ban Thường vụ huyện ủy đã chỉ đạo các đảng bộ, chi bộ trực thuộc quán triệt sâu sắc quan điểm, nhận thức về bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ, thường xuyên rà soát, xây dựng, bổ sung quy hoạch cán bộ nữ trong quy hoạch tổng thể cán bộ, việc quy hoạch phải gắn với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ nữ; Nâng cao nhận thức giới của người đứng đầu tạo bước đột phá trong bố trí, bổ nhiệm cán bộ nữ; biểu dương, khen thưởng đơn vị làm tốt về công tác cán bộ nữ...

Về công tác chuẩn bị nhân sự nữ cho Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2020- 2025 và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026 và định hướng đến 2030, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo các Đảng bộ rà soát có quy định cụ thể về tỷ lệ nữ trong quy hoạch, bổ nhiệm, đưa cán bộ nữ vào những vị trí chủ

chốt để tăng cơ hội trúng cử; Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giới thiệu những cán bộ nữ ưu tú đưa vào quy hoạch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng định kỳ nhằm tạo nguồn cán bộ nữ kế cận, chú trọng công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sắp xếp, sử dụng cán bộ nữ; mạnh dạn giao việc cho cán bộ nữ; quan tâm, tạo điều kiện, cơ hội cho cán bộ nữ phát huy năng lực, sở trường. Hội Liên hiệp phụ nữ huyện chủ động tham mưu, giới thiệu, tạo nguồn cán bộ nữ, giới thiệu quần chúng ưu tú là nữ cho Đảng và tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ, xây dựng củng cố tổ chức Hội cấp xã, thôn, bản vững mạnh.

Tăng cường công tác tuyên truyền, thực hiện, kiểm tra Luật bình đẳng giới.

Phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ lồng ghép các hoạt động của Hội với chương trình Vì sự tiến bộ của Phụ nữ .

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, Đảng viên và nhân dân. Thu hút sự tham gia của nam giới trong hoạt động Kế hoạch hóa gia đình và phòng chống các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục; tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS.

Tăng cường chỉ đạo, củng cố bộ máy hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Nâng cao nhận thức về giới của đội ngũ cán bộ và đảm bảo nguồn lực cho hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở y tế xã để có đủ năng lực cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản. Tăng cường nhân lực, vật lực cho các trạm y tế đảm bảo Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em.

Thực hiện lồng ghép giới vào hoạt động chuyên môn nhằm tăng cơ hội và chất lượng lao động việc làm cho lao động nữ.

Nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe, tăng cường cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, Kế hoạch hóa gia đình.

3. Một số Kiến nghị, đề xuất

Bố trí đủ cán bộ làm công tác Bình đẳng giới tại các địa phương; hình thành đội ngũ cộng tác viên; tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong công tác triển khai Bình đẳng giới giữa các ban, ngành, đoàn thể./.

Nơi nhận :

- Sở Lao động-TBXH (b/c);
- Lưu: VT, LĐTBXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



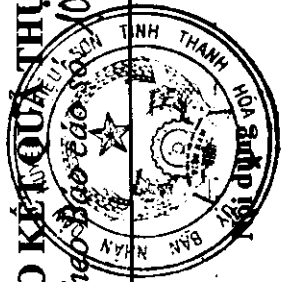
Lê Quang Trung

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KQ thực hiện năm 2016	KQ thực hiện năm 2017	KQ thực hiện năm 2018	KQ thực hiện năm 2019	KH năm 2020	Mục tiêu 2025	Tầm nhìn 2030
10	Tỷ lệ HĐND, UBND cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%	10,5	10,5	10,5	10,5	10,5	40	40
11	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%							
12	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%	18,5	18,5	18,5	18,5	18,5	17,00	17,50
13	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%	10,5	10,5	10,5	10,5	10,5	21,00	21,50
II	Mục tiêu 2: Giám khoáng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.								
	- Chỉ tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).								
	- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt từ 30% trở lên vào năm 2020.								
	- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 50% vào năm 2020.								
	- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 100% vào năm 2020.								
I	Tổng số lao động được tạo việc làm mới	người	3.625	3.520	3.560	3.617	3.600	15.000	15.500
<i>I.1</i>	Trong đó: Tỷ lệ nam được tạo việc làm mới	%	50	49	45	43	43	42	41
<i>I.2</i>	Tỷ lệ nữ được tạo việc làm mới	%	50	51	55	57	57	58	59
2	Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp	%	6,59	6,59	6,59	7,0	7,0	30	30
3	Tổng số lao động nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật	người	2.356	2.288	2.314	2.351	2.340	9.750	10.075
	Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề, chuyên môn kỹ thuật	chỉ	1.296	1.258	1.273	1.293	1.287	5.363	5.541
4	Tỷ lệ nữ vùng nông thôn nghèo, DTTS được vay vốn ưu đãi	%	95	95	95	95	95	96	97
III	Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo								
	- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 95% vào năm 2020.								
	- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thực sự đạt 35% vào năm 2020. Tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 20% vào năm 2020.								

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KQ thực hiện năm 2016	KQ thực hiện năm 2017	KQ thực hiện năm 2018	KQ thực hiện năm 2019	KH năm 2020	Mục tiêu 2025	Tầm nhìn 2030
1	Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trên địa bàn	%	95,1	95,1	95,4	95,7	95,8	97	100
	Trong đó : Tỷ lệ biết chữ của nữ trên địa bàn	%	94,6	94,8	95	95,2	95,3	97	100
2	Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ ở vùng sâu, vùng DTTS	%	87,1	87,3	87,5	87,8	88	96	100
	Trong đó : Tỷ lệ biết chữ của nữ ở vùng sâu, vùng DTTS	%	86,5	86,6	86,8	87,1	88	95	100
3	Tỷ lệ nữ có trình độ Thạc sỹ	%	0,0026	0,002	0,0027	0,003	0,003	0,006	0,009
4	Tỷ lệ nữ có trình độ Tiến sỹ	%	0	0	0	0	0	0	0
IV	Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.								
	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 115/100 vào năm 2020. - Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống dưới 55/100.000 vào năm 2020. - Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 50% vào năm 2020 so với năm 2010. - Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống dưới 25/100 vào năm 2020 								
1	Tỷ số giới tính khi sinh: trẻ sơ sinh trai/trẻ sơ sinh gái	người	113/100	123	116,6	112	104,6	104,0	104,0
2	Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ em sống	0/100.000	0,0001	0	0	0	0	0	0
3	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự truyền lây truyền HIV	%	90	80	90	90	90	>90	>95
4	Tỷ lệ phá thai	%	10	0,98	0,96	12,1	14,5	13	12,5
V	Mục tiêu 5: Bình đẳng giới trong lĩnh vực Văn hóa-Thông tin-Truyền thông								
	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu 1: Phán đầu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại xã, phường, thị trấn vào năm 2020 - Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 có 100% đài phát thanh và đài truyền hình trong tỉnh có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. 								
1	Số tin/bài tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại xã, phường, thị trấn vào năm 2020	Tin/bài	816	816	816	816	816	820	825

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KQ thực hiện năm 2016	KQ thực hiện năm 2017	KQ thực hiện năm 2018	KQ thực hiện năm 2019	KH năm 2020	Mục tiêu 2025	Tầm nhìn 2030
2	Tỷ lệ Đài PT-TH Huyện, xã có chuyên mục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới	%	60	54,2	54,2	54,2	54,2	54,5	54,5
VI	Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.								
	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,5 lần vào năm 2020. - Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020, 100% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình; 75% số người ngay bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình - Chỉ tiêu 3: Đến năm 2020, có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng. 								
1	Thời gian tham gia công việc gia đình của nam so với nữ	lần							
2	Tổng số vụ bạo lực gia đình được phát hiện	vụ	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó:	vụ	0	0	0	0	0	0	0
	Bạo lực thể xác	Vụ	0	0	0	0	0	0	0
	Bạo lực tinh thần	Vụ	0	0	0	0	0	0	0
	Bạo lực tình dục	Vụ	0	0	0	0	0	0	0
	Bạo lực kinh tế	Vụ	0	0	0	0	0	0	0
3	Tỷ lệ nạn nhân bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về PCBLGD	lượt	0	0	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình	%	0	0	0	0	0	0	0
5	Số nạn nhân bị buôn bán trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng	%	0	0	0	0	0	0	0
VII	Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.								

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số 071 /CB-UBND ngày 20/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)



TT	Đơn vị tính	KH giai đoạn 2016 - 2020	KQ thực hiện năm 2016	KQ thực hiện năm 2017	KQ thực hiện năm 2018	KQ thực hiện năm 2019	Đơn vị thực hiện báo cáo
I	Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị						
1	%						
2	%						
3	%	30	26,02	26,02	26,02	26,02	
4	%	30	16,7	16,7	16,7	16,7	
5	%						
6	%	15	14,5	14,6	14,6	14,6	
7	%	15	16,5	16,5	16,5	16,6	
8	%						
9	%	5,8	6,6	6,6	6,6	6,6	Mặt trận tổ quốc; Phòng nội vụ, Ban Tổ chức Huyện ủy
10	%	10,5	10,5	10,2	10,2	10,2	
11	%						
12	%	18,50	18,50	18,50	18,50	18,50	
13	%	10,50	10,5	10,5	10,5	10,5	
14	Cán bộ	3.192	3.037	2.994	2.946	2.887	
15	%	60	62	62	63	64	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH giai đoạn 2016 - 2020	KQ thực hiện năm 2016	KQ thực hiện năm 2017	KQ thực hiện năm 2018	KQ thực hiện năm 2019	Đơn vị thực hiện báo cáo
16	Tỷ lệ nữ có trình độ đại học trở lên	%	90	93	94	95	95	
17	Tỷ lệ nữ có trình độ trên đại học	%	3	5	6	6	7	
II	Mục tiêu 2: Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động							
1	Tổng số lao động được tạo việc làm mới	người	17.500	3.625	3.520	3.560	3.617	Phòng Lao động TBXH
1.1	Trong đó: Tỷ lệ nam được tạo việc làm mới	%	40	50	49	45	43	
1.2	Tỷ lệ nữ được tạo việc làm mới	%	40	50	51	55	57	
2	Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp	%	30	15	20	20	20	Phòng Tài chính - Kế hoạch
3	Tổng số lao động được đào tạo nghề	người	12.500	2.496	2.415	2.530	2.860	
3.1	Trong đó: Tỷ lệ nữ được đào tạo nghề	%	40	51	52	54	55	
3.2	Tổng số lao động nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật	người	9.375	1.872	1.811	1.898	2.145	Phòng Lao động TBXH
3.3	Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề, chuyển môn kỹ thuật	%	40	51	52	54	55	
4	Tỷ lệ nữ vùng nông thôn nghèo, DTTS được vay vốn ưu đãi	%	90	90	90	90	90	
III	Mục tiêu 3: Bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo							
1	Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trên địa bàn	%	95,5	95,1	95,1	95,4	95,7	
	Trong đó: Tỷ lệ biết chữ của nữ trên địa bàn	%	95	94,6	94,8	95	95,2	
2	Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ ở vùng sâu, vùng DTTS	%	88	87,1	87,3	87,5	87,8	
	Trong đó: Tỷ lệ biết chữ của nữ ở vùng sâu, vùng DTTS	%	88	86,5	86,6	86,8	87,1	
3	Tỷ lệ nữ Thạc sỹ	%	0,003	0,0026	0,002	0,0027	0,003	Phòng Giáo dục và đào tạo
4	Tỷ lệ nữ Tiến sỹ	%	0	0	0	0	0	
IV	Mục tiêu 4: Bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe							
5	Tỷ lệ nữ Phó giáo sư, giáo sư	%	0	0	0	0	0	
IV	Mục tiêu 4: Bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe							

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH giai đoạn 2016 - 2020	KQ thực hiện năm 2016	KQ thực hiện năm 2017	KQ thực hiện năm 2018	KQ thực hiện năm 2019	Đơn vị thực hiện báo cáo
1	Tỷ số giới tính khi sinh: trẻ sơ sinh trai/trẻ sơ sinh gái	người	113/100	123	116,6	112	104,6	Phòng Y tế
2	Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ em sống	0/100.000	0.0001	0	0	0	0	
3	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự truyền lây truyền HIV	%	20	0	0	0	0	
4	Tỷ lệ phá thai	%	10	9,5	10,2	10,5	10,5	
5	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai đủ 3 lần trở lên	%	100	98	98	98	100	
V	Mục tiêu 5: Bình đẳng giới trong lĩnh vực Văn hóa-Thông tin-Truyền thông							
1	Số lượt tuyên truyền bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại xã, phường, thị trấn	sản phẩm	3.264	816	816	816	816	Phòng Văn hóa - Thông tin
2	Tỷ lệ Đài PT-TH Huyện, xã có chuyên mục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới	%	60	54,2	54,2	54,2	54,2	
VI	Mục tiêu 6: Bình đẳng giới trong đời sống gia đình							
1	Thời gian tham gia công việc gia đình của nam so với nữ	lần	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	Phòng Văn hóa - Thông tin
2	Tổng số vụ bạo lực gia đình được phát hiện	Vụ	0	0	0	0	0	
3	Trong đó: Tổng số vụ bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn về pháp lý, sức khỏe	vụ	0	0	0	0	0	
4	Tỷ lệ nạn nhân bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về PCBLGD	%	0	0	0	0	0	
5	Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình	%	0	0	0	0	0	
6	Số nạn nhân bị buôn bán trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng	%	0	0	0	0	0	
VII	Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực QLNN và bình đẳng giới							

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH giai đoạn 2016 - 2020	KQ thực hiện năm 2016	KQ thực hiện năm 2017	KQ thực hiện năm 2018	KQ thực hiện năm 2019	Đơn vị thực hiện báo cáo
1	Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật được xác định nội dung có liên quan đến bình đẳng giới hoặc bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được góp ý thẩm định	%	100	100	100	100	100	Phòng Lao động TBXH
2	Tỷ lệ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và VSTBPN các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ	%	100	100	100	100	100	
3	Các huyện, thành, thị bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới (kiểm nhiệm)	%	100	100	100	100	100	
4	Tỷ lệ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và VSTBPN các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ	%	100	100	100	100	100	